

Phụ lục
BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

STT	Thông tin, dữ liệu chỉ số	Thuộc tính của chỉ số				Nguồn cung cấp và cập nhật thông tin	Phương pháp thu thập	Ghi chú
		Đơn vị tính	Phạm vi	Thời gian (Tần suất)	Phân tổ			
A	NHÓM CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH HÀNG NGÀY, HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM							
I	Chỉ số giá							
1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng (CPI) (so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước)							
1.1	So với tháng trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Thống kê tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	So với tháng 12 năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Thống kê tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	So với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Thống kê tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước	%	Toàn tỉnh	Tháng	11 nhóm hàng chính	Thống kê tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

II	Tài chính - Ngân sách nhà nước - Đầu tư							
1	Thu ngân sách địa phương (lũy kế đến kỳ báo cáo, so sánh với dự toán)							
1.1	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	So sánh với dự toán	%	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Chi ngân sách địa phương (lũy kế đến kỳ báo cáo, so sánh với dự toán)	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Các khoản chi chủ yếu	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.1	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.2	So sánh với dự toán	%	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Các khoản thu chủ yếu	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công	%	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Theo nguồn vốn/Theo chủ đầu tư	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác NSNN (tổng thu nội địa: thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN,... các loại phí, lệ phí và khoản thu khác)							

4.1	Tổng thu nội địa	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Sắc thuế	Thuế tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	Thuế GTGT	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Sắc thuế	Thuế tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.3	Thuế TNDN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Sắc thuế	Thuế tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.4	Thuế TNCN	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Sắc thuế	Thuế tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.5	Các loại phí, lệ phí	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Sắc thuế	Thuế tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.6	Khoản thu khác	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/Sắc thuế	Thuế tỉnh Cao Bằng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Thu hút đầu tư (số dự án, vốn đăng ký và thực hiện)							
5.1	Số dự án	Dự án	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.2	Vốn đăng ký	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.3	Vốn thực hiện	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

6	Kim ngạch xuất khẩu (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với chỉ tiêu giao)							
6.1	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/mặt hàng	Chi cục Hải quan khu vực XVI	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.2	So sánh với chỉ tiêu giao	%	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/mặt hàng	Chi cục Hải quan khu vực XVI	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Kim ngạch nhập khẩu (lũy kế đến kỳ báo cáo; so sánh với chỉ tiêu giao)							
7.1	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/mặt hàng	Chi cục Hải quan khu vực XVI	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7.2	So sánh với chỉ tiêu giao	%	Toàn tỉnh	Tháng	Phân ngành kinh tế/mặt hàng	Chi cục Hải quan khu vực XVI	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Số doanh nghiệp thành lập mới, quay trở lại hoạt động							
8.1	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
8.2	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động	Doanh nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

9	Số doanh nghiệp tạm ngừng, giải thể							
9.1	Số doanh nghiệp tạm ngừng	Doanh nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng/quý /năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
9.2	Số doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp	Toàn tỉnh	Tháng/quý /năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
10	Hợp tác xã, kinh tế tập thể (<i>đang hoạt động; thành lập mới; vốn điều lệ; giải thể</i>)	Hợp tác xã	Toàn tỉnh	Tháng/quý /năm	Phân ngành kinh tế	Sở Tài chính	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
10.1	<i>Đang hoạt động</i>	<i>Hợp tác xã</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng/quý /năm</i>	<i>Phân ngành kinh tế</i>	<i>Sở Tài chính</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
10.2	<i>Thành lập mới</i>	<i>Hợp tác xã</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng/quý /năm</i>	<i>Phân ngành kinh tế</i>	<i>Sở Tài chính</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
10.3	<i>Giải thể</i>	<i>Hợp tác xã</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng/quý /năm</i>	<i>Phân ngành kinh tế</i>	<i>Sở Tài chính</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
10.4	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng/quý /năm</i>	<i>Phân ngành kinh tế</i>	<i>Sở Tài chính</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
III	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch							
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lữ hành, dịch vụ khác</i>)							
1.1	<i>Bán lẻ hàng hóa</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>Toàn</i>	<i>Tháng</i>		<i>Sở Công thương; Thống</i>	<i>Trên hệ thống</i>	

			<i>tỉnh</i>			<i>kê tỉnh Cao Bằng</i>	<i>báo cáo của tỉnh</i>	
1.2	<i>Dịch vụ lưu trú ăn uống</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng</i>		<i>Sở Công thương; Thống kê tỉnh Cao Bằng</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
1.3	<i>Dịch vụ lễ hành</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng</i>		<i>Sở Công thương; Thống kê tỉnh Cao Bằng</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
1.4	<i>Dịch vụ khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng</i>		<i>Sở Công thương; Thống kê tỉnh Cao Bằng</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2	<i>Số lượt khách du lịch (quốc tế; nội địa)</i>							
2.1	<i>Số lượt khách du lịch quốc tế</i>	<i>Lượt khách</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng</i>	<i>Nhóm dịch vụ chủ yếu</i>	<i>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2.2	<i>Số lượt khách du lịch nội địa</i>	<i>Lượt khách</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng</i>	<i>Nhóm dịch vụ chủ yếu</i>	<i>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
3	<i>Doanh thu từ du lịch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng</i>	<i>Nhóm dịch vụ chủ yếu</i>	<i>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
IV	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế							
1	<i>Số người đóng bảo hiểm y tế</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Năm</i>	<i>BHXX BHYT, BHTN</i>	<i>Bảo hiểm xã hội tỉnh</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2	<i>Số người đóng bảo hiểm xã hội</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Năm</i>	<i>BHXX BHYT, BHTN</i>	<i>Bảo hiểm xã hội tỉnh</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
3	<i>Số người đóng bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Năm</i>	<i>BHXX BHYT,</i>	<i>Bảo hiểm xã hội tỉnh</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	

					BHTN			
4	Số người được hưởng bảo hiểm y tế	Người	Toàn tỉnh	Năm	BHXXH BHYYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội	Người	Toàn tỉnh	Năm	BHXXH BHYYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Số người được hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Người	Toàn tỉnh	Năm	BHXXH BHYYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Quý/ năm	BHXXH BHYYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Quý/ năm	BHXXH BHYYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
V	Lao động, việc làm, giáo dục, đào tạo, văn hóa							
1	Lao động (lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp...)							
1.1	Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Người	Toàn tỉnh	Tháng/quý/ năm		Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

	<i>theo hợp đồng</i>							
1.2	<i>Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được cấp giấy phép lao động</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng/quý/năm</i>		<i>Sở Nội vụ</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
1.3	<i>Lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng/quý/năm</i>		<i>Sở Nội vụ</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2	<i>Giáo dục mầm non (số trường; số lớp; số giáo viên; số học sinh)</i>							
2.1	<i>Số trường</i>	<i>Trường</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Năm</i>	<i>Công lập/ ngoài công lập</i>	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2.2	<i>Số lớp</i>	<i>Lớp</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Năm</i>	<i>Công lập/ ngoài công lập</i>	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2.3	<i>Số giáo viên</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng</i>	<i>Công lập/ ngoài công lập</i>	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2.4	<i>Số học sinh</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tháng</i>	<i>Công lập/ ngoài công lập</i>	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
3	<i>Giáo dục tiểu học (số trường; số lớp; số giáo viên; số học sinh)</i>							
3.1	<i>Số trường</i>	<i>Trường</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Năm</i>	<i>Công lập/ ngoài công lập</i>	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	

3.2	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.3	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.4	Số học sinh	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Giáo dục trung học cơ sở (số trường; số lớp; số giáo viên; số học sinh)							
4.1	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.3	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.4	Số học sinh	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Giáo dục trung học phổ thông (số trường; số lớp; số giáo viên; số học sinh)							

5.1	Số trường	Trường	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.2	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.3	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.4	Số học sinh	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Giáo dục nghề nghiệp (số trường; số lớp; số giáo viên; số học sinh)							
6.1	Số cơ sở	Cơ sở	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.2	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.3	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6.4	Số học sinh	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

7	Giáo dục thường xuyên (số trường; số lớp; số giáo viên; số học sinh)							
7.1	Số trung tâm	Trung tâm	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7.2	Số lớp	Lớp	Toàn tỉnh	Năm	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7.3	Số giáo viên	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7.4	Số học sinh	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Công lập/ ngoài công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Điểm Chỉ số Hạnh phúc của người dân = (số xã, phường trên địa bàn tỉnh đạt mức Chỉ số Hạnh phúc người dân (CB-HPI)	Điểm	Toàn tỉnh	Năm	Theo xã, phường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
VI	Nông nghiệp, Công thương, Xây dựng, Giao thông							
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh	Thống kê tỉnh; Sở Công Thương	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Xăng dầu (số lượng; sản lượng tiêu thụ)							
2.1	Số lượng cửa hàng xăng dầu đang hoạt động	Cửa hàng	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Công Thương	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

2.2	<i>Ước sản lượng tiêu thụ</i>	<i>m3</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	Năm	Tỉnh, xã	Sở Công Thương	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
3	Sản lượng lúa	Tấn	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Sản lượng cây thuốc lá	Tấn	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Nghìn con	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Xuất khẩu ngành nông nghiệp	Tỷ đồng	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Toàn tỉnh	Năm	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Diện tích rừng bị thiệt hại (bị chặt phá, bị cháy...)	Ha	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
9	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	Toàn tỉnh	Tháng	Tỉnh, xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
VII	Quản lý xã hội, an ninh trật tự							
1	Dân cư (tổng dân số; giới tính; thành thị; nông thôn; dân tộc; tôn giáo; tỷ trọng dân số; Thẻ CCCD đã cấp; tài khoản định danh điện tử; tỷ lệ già hóa; tỷ lệ phụ thuộc)							

1.1	Tổng dân số	Người	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Giới tính	Người	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Thành thị	Người	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.4	Nông thôn	Người	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.5	Dân tộc	Người	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.6	Tôn giáo	Người	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.7	Tỷ trọng dân số	%	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.8	Thẻ CCCD đã cấp	Thẻ	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.9	Tài khoản định danh điện tử	Tài khoản	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.10	Tỷ lệ già hóa	%	Toàn			Công an tỉnh	Trên hệ thống	

			<i>tỉnh</i>	<i>Tuần/tháng /quý/năm</i>			<i>báo cáo của tỉnh</i>	
1.11	<i>Tỷ lệ phụ thuộc</i>	%	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tuần/tháng /quý/năm</i>		<i>Công an tỉnh</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2	Phòng cháy, chữa cháy (số vụ, số người chết; số người bị thương; thiệt hại; số vụ cháy nghiêm trọng; đặc biệt nghiêm trọng)							
2.1	<i>Số vụ</i>	<i>Vụ</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tuần/tháng /quý/năm</i>		<i>Công an tỉnh</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2.2	<i>Số người chết</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tuần/tháng /quý/năm</i>		<i>Công an tỉnh</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	
2.3	<i>Số người bị thương</i>	<i>Người</i>	<i>Toàn tỉnh</i>	<i>Tuần/tháng</i>		<i>Công an tỉnh</i>	<i>Trên hệ thống báo cáo của tỉnh</i>	

				/quý/năm				
2.4	Thiệt hại	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.5	Số vụ cháy nghiêm trọng	Vụ	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.6	Số vụ cháy đặc biệt nghiêm trọng	Vụ	Toàn tỉnh	Tuần/tháng /quý/năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	An toàn giao thông (Số vụ tai nạn; số người chết; số người bị thương; số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng)							
3.1	Số vụ tai nạn	Vụ	Toàn tỉnh	Ngày /tháng/quý /năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.2	Số người chết	Người	Toàn tỉnh	Ngày		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

				/tháng/quý /năm				
3.3	Số người bị thương	Người	Toàn tỉnh	Ngày /tháng/quý /năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.4	Số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng	Vụ	Toàn tỉnh	Ngày /tháng/quý /năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Phòng, chống tội phạm (ma túy; công nghệ cao; quản lý kinh tế; tham nhũng; tội phạm có tổ chức)							
4.1	Tội phạm ma túy	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng/quý/ năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.2	Tội phạm công nghệ cao	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng/quý/ năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.3	Tội phạm quản lý kinh tế	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng/quý/ năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.4	Tội phạm tham nhũng	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng/quý/ năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4.5	Tội phạm có tổ chức	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng/quý/ năm		Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

5	Quản lý người nghiện ma túy							
5.1	Tổng số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý	Người	Tỉnh	Tuần, tháng, quý, năm	Theo cơ sở quản lý (ngoài xã hội, trong cơ sở cai nghiện, trong trại giam, nhà tạm giữ)	Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.2	Tỷ lệ người nghiện ma túy so với kỳ trước	%	Tỉnh	Tuần, tháng, quý, năm	Theo cơ sở quản lý (ngoài xã hội, trong cơ sở cai nghiện, trong trại giam, nhà tạm giữ)	Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5.3	Số người có tiền sử nghiện ma túy trong trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng	Người	Tỉnh	Tuần, tháng, quý, năm	Theo cơ sở quản lý (ngoài xã hội, trong cơ sở cai nghiện, trong trại giam, nhà tạm giữ)	Công an tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
VIII	Nội vụ - Cải cách hành chính, chuyển đổi số							
1	Công chức, viên chức (biên chế hưởng lương từ							

	NSNN; biên chế được giao; biên chế thực hiện; số tuyển mới, số nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác ra khỏi cơ quan ...							
1.1	Công chức	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Viên chức	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.3	Biên chế công chức hưởng lương từ NSNN	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.4	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.5	Biên chế được giao	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.6	Biên chế thực hiện	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.7	Số tuyển mới	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.8	Số nghỉ hưu	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.9	Số thôi việc	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.10	Số chuyển công tác ra khỏi cơ quan ...	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

1.11	Số lượng lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước các cấp	Người	Toàn tỉnh	Tháng	Các sở, ngành/Cấp xã	Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Tỷ lệ văn bản điện tử có ký số trên tổng văn bản đi	%	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm		Sở Khoa học và Công nghệ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến/tổng số hồ sơ phát sinh	%	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
5	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Khoa học và Công nghệ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	%	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm		Sở Khoa học và Công nghệ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
9	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã số hóa	%	Toàn tỉnh	Tháng/quý/năm		Sở Khoa học và Công nghệ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
10	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định, chi phí tuân	%	Toàn	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống	

	thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh		tỉnh				báo cáo của tỉnh	
11	Nhóm chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
11.1	Công khai minh bạch	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
11.2	Tiến độ giải quyết	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
11.3	Dịch vụ trực tuyến	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
11.4	Mức độ hài lòng	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
11.5	Số hóa hồ sơ	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
12	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	%	Toàn tỉnh	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
13	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (PAR Index)	Điểm	Toàn tỉnh	Năm		Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

14	Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)	Điểm	Toàn tỉnh	Năm		Sở Nội vụ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
15	Chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh (DTI)	Điểm	Toàn tỉnh	Năm		Sở Khoa học và Công nghệ	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
IX	An toàn thực phẩm							
1	Số vụ ngộ độc thực phẩm mới phát sinh	Vụ	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Y tế	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Số người mắc do ngộ độc thực phẩm	Người	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Y tế	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Số người nhập viện do ngộ độc thực phẩm	Người	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Y tế	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Số người tử vong do ngộ độc thực phẩm	Người	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Y tế	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
B	NHÓM CHỈ SỐ THEO DÕI NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HÀNG NĂM							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm GRDP của địa phương	%	Toàn tỉnh	Quý/năm		Thống kê tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Năm		Thống kê tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Toàn tỉnh	Năm		Thống kê tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	Toàn tỉnh	Năm	BHXH BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

5	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	Toàn tỉnh	Năm	BHXH BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
6	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	Toàn tỉnh	Năm	BHXH BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
7	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	Toàn tỉnh	Năm	Công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
8	Tỷ lệ giảm số lượng điểm trường	%	Toàn tỉnh	Năm	Công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
9	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Người	Toàn tỉnh	Năm		Sở Y tế	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
10	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Người	Toàn tỉnh	Năm		Sở Y tế	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
C	NHÓM CHỈ SỐ THEO DÕI TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							
1	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới							
1.1	Tỷ lệ giải ngân của chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Tháng/Quý /Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.2	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%	Toàn tỉnh	Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

1.3	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	Toàn tỉnh	Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
1.4	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	Toàn tỉnh	Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Chương trình	Toàn tỉnh	Tháng/Quý /Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
2.1	Tỷ lệ giải ngân của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Năm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi	Chương trình	Toàn tỉnh	Năm		Sở Dân tộc và Tôn giáo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3.1	Tỷ lệ giải ngân của chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi	Triệu đồng	Toàn tỉnh	Năm		Sở Dân tộc và Tôn giáo	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
D	NHÓM CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRONG CÁC TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP NHU' THIÊN TAI, DỊCH BỆNH, ỨNG PHÓ VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN...							
1	Điểm có nguy cơ sạt lở	Điểm	Toàn tỉnh	Tháng		Sở Xây dựng	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

2	Tình hình cung ứng, dự trữ hàng hóa thiết yếu khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh	Tấn	Toàn tỉnh	Năm	Theo mặt hàng	Sở Công thương	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
3	Cán bộ, chiến sĩ được huy động tham gia ứng phó khi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh	Lượt	Toàn tỉnh	Ngày/tuần/tháng		Công an tỉnh; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	
4	Số hộ/người được hỗ trợ lương thực do thiên tai, hỏa hoạn, hoặc lý do bất khả kháng	Hộ/người	Toàn tỉnh	Ngày/tuần/tháng		Sở Y tế	Trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

Tổng cộng:

81 chỉ số

Cụ thể

- Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tháng, hàng quý, hàng năm: **64 chỉ số**
- Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm: **10 chỉ số**
- Nhóm chỉ số theo dõi tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: **03 chỉ số**
- Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn: **04 chỉ số**